

Bản án số: 54/2019/HS-ST

Ngày: 29 - 8 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vũ và bà Nguyễn Thị Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HS ngày 13/8/2019 đối với các bị cáo:

1. Đặng Tồn D (tên gọi khác: Không) sinh ngày 05/5/1997 tại huyện B, tỉnh C. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản H, xã P, huyện M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Cuối X sinh năm 1969 và bà Đặng Mùi M sinh năm 1971; có vợ là Bàn Mùi P sinh năm 2000 và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2019 cho đến nay. Có mặt.

2. Thào A S (tên gọi khác: Không), sinh ngày 07/6/2000 tại huyện B, tỉnh L. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản T, xã P, huyện M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thào A T sinh năm 1963 và bà Ma Thị C sinh năm 1965; Có vợ là Đặng Mùi L sinh năm 1999 và 02 người con, con lớn sinh năm 2018 con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/3/2019 cho đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Thào A S: Ông Nguyễn Trần D - Luật sư, cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Tồn D: Ông Bùi Đình M - Luật sư, cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ông Đặng Cuối X, sinh năm 1969. Địa chỉ: Bản H, xã P, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/2/2019, Đặng Phú K nhà ở thôn N, xã V, huyện B, tỉnh C là người có quan hệ họ hàng với Đặng Tồn D gọi điện cho D đặt vấn đề về mua thuốc phiện rồi vận chuyển lên tỉnh C cho K, K hứa lúc bán xong sẽ trả công cho D 10 triệu đồng và bảo D gửi số chứng minh thư nhân dân để gửi tiền xuống cho D mua ma túy. Do không có chứng minh thư nhân dân D đã nói cho Thảo A S nhà ở bản T, xã P, huyện M, tỉnh Điện Biên biết và rủ S cùng tham gia mua bán ma túy. D hứa sẽ trả công cho S là 2 triệu đồng, S đồng ý. Sau đó D lấy số chứng minh thư nhân dân của S gửi cho K. Ngày 18/2/2019, D nhận được điện thoại của K thông báo là đã gửi số tiền 59,5 triệu đồng, D lấy xe máy chở S đi ra bưu điện huyện M và S là người trực tiếp ký nhận số tiền là 59,5 triệu đồng từ người gửi là Đặng Tồn K. Sau đó D đi mua xăng và chi tiêu hết 500 nghìn đồng. Đến ngày 25/02/2019, D nhận được điện thoại của K bảo D đi vào xã N, huyện P, tỉnh Điện Biên gặp người tên T để mua ma túy. Ngày 26/02/2019, D gọi điện cho T để mua ma túy, K đã trao đổi với T từ trước. Ngày 27/02/2019, D mang theo số tiền 59 triệu đồng cùng S đi vào xã N, huyện P, tỉnh Điện Biên. Khoảng 22 giờ cùng ngày D, S gặp T và mua của T 5 cục thuốc phiện có tổng khối lượng 1.971,27 gam với giá 30 triệu đồng và 02 gói Methamphetamine có tổng khối lượng 36,96 gam với giá 4 triệu đồng. Số tiền còn lại 25 triệu đồng D cất vào túi quần đang mặc. Sau đó D cất 05 cục thuốc phiện vào trong ba lô, còn 02 gói Methamphetamine đưa S cầm. Sáng ngày 28/2/2019 D điều khiển xe máy chở S đi về. Khi về đến khu vực bản V, xã N, huyện P phát hiện thấy lực lượng Cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ. D, S để lại xe máy cùng ba lô đựng thuốc phiện rồi bỏ chạy thoát. Quá trình bỏ chạy Thảo A S bỏ lại chiếc áo khoác màu đen bên trong có 02 gói Methamphetamine. Đến ngày 07/3/2019 Đặng Tồn D ra đầu thú và khai nhận số tiền 25 triệu đồng còn lại D đã làm rơi mất. Ngày 09/3/2019 Thảo A S ra đầu thú.

Tại bản Kết luận giám định số 337/GĐ-PC09 ngày 21/03/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên kết luận: 05 (năm) mẫu chất dẻo màu nâu đen trích ra từ vật chứng thu giữ của Đặng Tồn D và Thảo A S gửi giám định là ma túy: Loại thuốc phiện nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 398, mục IID, danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; 02 (hai) mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Đặng Tồn D và Thảo A S gửi giám định là ma túy: Loại Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, mục IIC, danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018. Khối lượng vật chứng thu giữ của Đặng Tồn D và Thảo A S gồm 1.971,27 gam chất dẻo màu nâu đen và 36,96 gam viên nén màu hồng.

Bản Cáo trạng số 37/CT-VKS-P1 ngày 09/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên để xét xử các

bị cáo Đặng Tồn D và Thào A S về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm h Khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo Đặng Tồn D và Thào A S đều phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Tồn D từ 18 đến 19 năm tù.

- Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thào A S từ 17 đến 18 năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng theo quy định.

- Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Những người bào chữa cho các bị cáo Đặng Tồn D và Thào A S không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện sinh sống của các bị cáo, nhận thức hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế, trình độ văn hóa thấp, các bị cáo đều tự giác ra đầu thú. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên. Thực hiện lời nói sau cùng, các bị cáo Đặng Tồn D và Thào A S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:* Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản vụ việc; kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Ngày 28/02/2019 tại khu vực bản V, xã N, huyện

P, tỉnh Điện Biên, Đặng Tồn D và Thào A S có hành vi cất giấu trái phép trên người 1.971,27 gam thuốc phiện 36,96 gam methamphetamine. Đến 12 giờ 15 phút cùng ngày, các bị cáo bị tổ công tác cảnh sát giao thông Công an huyện P phát hiện các bị cáo đang điều khiển xe máy từ hướng xã N1 đi xã C, huyện P. D, S bỏ lại xe máy cùng 1.971,27 gam thuốc phiện và 36,96 gam methamphetamine bỏ chạy thoát. Ngày 07/3/2019 Đặng Tồn D ra đầu thú và ngày 09/3/2019, Thào A S ra đầu thú. Quá trình điều tra, Thào A S và Đặng Tồn D khai nhận đã nhận số tiền 59,5 triệu đồng từ Đặng Phụ K (K là người có quan hệ họ hàng của Đặng Tồn D ở thôn N, xã V, huyện B, tỉnh C) để mua số ma túy nêu trên của một người tên là T tại xã N, huyện P, tỉnh Điện Biên với mục đích vận chuyển lên C giao cho K để K bán kiếm lời. Hành vi phạm tội của các bị cáo Đặng Tồn D và Thào A S đã cấu thành tình tiết định khung tội phạm được quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân tỉnh Điện Biên truy tố đối với các bị cáo Đặng Tồn D và Thào A S về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h Khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan sai.

Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định:

“...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này”.

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[2] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi mua bán trái phép chất ma túy mà các bị cáo Đặng Tồn D và Thào A S đã thực hiện là đặc biệt nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Nguyên nhân xuất phát từ động cơ, mục đích mua bán trái phép ma túy để thu lợi bất chính. Trong vụ án này có hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có thể giúp các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự : “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy nghề nghiệp của các bị cáo là làm ruộng ,thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, sống ở địa bàn đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Các bị cáo Đặng Tồn D và Thào A S đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế; đều chưa có tiền án, tiền sự. Ngày 07/3/2019 bị cáo Đặng Tồn D ra đầu thú, ngày 09/3/2019 bị cáo Thào A S ra đầu thú về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình. Các bị cáo không có các tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[5] Xét đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo: Đối với đề nghị của những người bào chữa đề nghị áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho cả hai bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra các bị cáo nhưng các bị cáo đã chạy trốn và bỏ lại vật chứng vụ án. Đến các ngày 07/3/2019 và 09/3/2019 các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, không thể che giấu được nên đã tự nguyện ra đầu thú. Trong trường hợp này, các bị cáo chỉ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, việc đề nghị cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[7] Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, số vật chứng đã thu giữ của các bị cáo cần xử lý như sau:

- Đối với 1.875,46 gam thuốc phiện và 35,09 gam methamphetamine thu giữ của các bị cáo là những vật chứng của vụ án còn lại sau khi giám định cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh màn hình cảm ứng của Đặng Tồn D là phương tiện bị cáo dùng để trao đổi mua bán ma túy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng bạc màn hình cảm ứng của Thào A S không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 ba lô màu đen cũ bị cáo dùng để đựng thuốc phiện, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với những đồ vật không còn giá trị sử dụng 02 áo khoác màu đen cũ, 01 lưới đánh bắt cá, 01 mũ bảo hiểm, loại mũ nửa đầu màu hồng đã cũ, 01 mũ bảo hiểm loại mũ nửa đầu màu vàng nhạt đã cũ, 01 mảnh vải màu đen, 01 áo phông ngắn tay màu đen đã cũ rách, 01 áo phông ngắn tay màu đỏ cũ, 01 quần vải màu đen, 01 bình xịt tóc vỏ màu đỏ đã cũ không còn giá trị sử dụng, tại phiên tòa các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiêu hủy, nên cần chấp nhận.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 27S1 – 043.52 màu đỏ, đen, số máy 31CA – 023965, số khung RLCG31C40DY003905, xe cũ mang tên Thào A C; Quá trình điều tra, Đặng Tồn D khai xe máy là của ông Đặng Cuối X (bố của D). Ông Đặng Cuối X đề nghị được nhận lại chiếc xe máy và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Thào A C. Hội đồng xét xử thấy rằng, chiếc xe máy trên thuộc quyền sở hữu của ông Đặng Cuối X, Ông X không biết Đặng Tồn D mượn xe để đi trở ma túy. Căn cứ theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông X, trả lại cho ông X chiếc xe máy và toàn bộ giấy tờ trên và 01 giấy bán xe của hàng mua bán xe, chủ của hàng Nguyễn Hồng T, địa chỉ bản trạm P, xã Q, huyện M.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[9] Các vấn đề liên quan khác: Trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo về các đối tượng liên quan gồm: Đặng Phụ K trú tại thôn N, xã V, huyện B, tỉnh C là người nhờ D mua ma túy; người đàn ông tên T đã bán số ma túy cho Đặng Tồn D và Thào A S tại xã N, huyện P, tỉnh Điện Biên; Đặng Tồn K trú tại thôn N, xã V, huyện B, tỉnh C là người đã gửi tiền cho Đặng Tồn D và Thào A S. Qua quá trình điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra xác định đối tượng K và K1 hiện đều không có mặt tại nơi cư trú và đối tượng tên T không biết rõ nhân thân lai lịch. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Tồn D và Thào A S đều phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng điểm h Khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Tồn D 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 07 tháng 3 năm 2019.

- Áp dụng điểm h Khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thào A S 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 09 tháng 3 năm 2019.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

** Tịch thu tiêu hủy:*

- 01 hộp niêm phong được quấn quanh bằng giấy trắng và dán kín bằng băng dính trắng trong suốt trong đó có 05 (năm) gói thuốc phiện đã trừ mẫu giám định còn lại có tổng khối lượng 1.875,46 gam và 02 (hai) gói methamphetamine đã trừ mẫu giám định còn lại có tổng khối lượng 35,09 gam.

- 01 ba lô màu đen cũ.

** Tịch thu sung ngân sách nhà nước:*

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh màn hình cảm ứng của Đặng Tồn D là phương tiện bị cáo dùng để trao đổi mua bán ma túy.

** Trả lại cho bị cáo Thào A S:*

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng bạc màn hình cảm ứng, không liên quan đến việc phạm tội.

** Tịch thu tiêu hủy những đồ vật của các bị cáo không còn giá trị sử dụng, gồm:* 02 áo khoác màu đen cũ; 01 lưới đánh bắt cá; 01 mũ bảo hiểm, loại mũ nửa đầu màu hồng đã cũ; 01 mũ bảo hiểm loại mũ nửa đầu, màu vàng nhạt đã cũ; 01 mảnh vải màu đen; 01 áo phông ngắn tay màu đen đã cũ rách; 01 áo phông ngắn tay màu đỏ cũ; 01 quần vải màu đen; 01 bình xịt tóc vỏ màu đỏ đã cũ.

** Trả lại cho ông Đặng Cuối X:*

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 27S1-043.52 màu đỏ, đen, số máy 31CA-023965, số khung RLCG31C40DY003905, xe cũ.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003547 mang tên Thào A Cở do Công an huyện Mường Nhé cấp ngày 05/6/2013.

- 01 giấy bán xe cửa hàng mua bán xe, chủ cửa hàng Nguyễn Hồng T, địa chỉ bản Trạm P, xã Q, huyện M, tỉnh Điện Biên.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 09/7/2019).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày

kể từ ngày tuyên án (ngày 29/8/2019); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án tại nơi cư trú lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Pá Mỳ, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên (Thông báo);
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Thu Hằng